

Bản án số: 10/2020/HSST
Ngày: 13/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thái
2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXXST-HS ngày 28/4/2020 đối với bị cáo:

Trương Văn H (Tên gọi khác: Trương Mạnh H) sinh năm 1966 tại huyện H, tỉnh T; nơi ĐKNKTT: Thôn Đ V, xã H N, huyện H T, tỉnh T H; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S (*đã chết*) và bà Hoàng Thị D (*đã chết*); có vợ là Dương Thị L và 02 con chung; tiền án: Ngày 13/3/2019, bị TAND huyện K C, tỉnh G xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2006, bị TAND huyện K C, tỉnh G xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2009, bị TAND thị xã A K, tỉnh G xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2010, bị TAND thị xã A, tỉnh G xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2014, bị TAND thị xã A, tỉnh G xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Lê Anh T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Q T, xã I, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt. (Có đơn xin xử vắng mặt)

2. Chị Trần Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt. (Có đơn xin xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đinh Xuân H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T P, xã C, huyện K C, tỉnh G.

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q T, xã I, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/01/2020, Trương Văn H từ tỉnh T H đến thị xã A, tỉnh G. Tại đây vào khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, H đi bộ dọc đường Quốc lộ 25 hướng từ thị xã A đi huyện K P, tỉnh G với mục đích đến nhà máy thuốc lá K N tại xã I S, thị xã A tìm việc làm. Khi đi ngang qua tiệm điện thoại “Huy Hoàng” thuộc thôn Q T, xã I S, thị xã A, tỉnh G, H thấy xe mô tô hiệu YAMAHA-RIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 81P1-1770 của anh Lê Anh T (SN: 1999, trú tại thôn Q T - I - A - G) đang dừng ở trước sân tiệm điện thoại và không có ai trông coi. H liền nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. H đi lại xe mô tô, dắt xe đi ra hướng đường Quốc lộ 25, khi mới đi được khoảng 03m thì bị anh Đinh Xuân H và T phát hiện bắt quả tang và báo Công an thị xã A. Tại Cơ quan điều tra Trương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan điều tra còn chứng minh được ngoài vụ án nêu trên, H còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại tổ 6, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G vào ngày 11/8/2018, như sau:

Sau khi chấp hành xong hình phạt tù từ tháng 5/2018, Trương Văn H không trở về địa phương nơi cư trú mà bỏ đi sống lang thang không nơi cô định. Sau khi đến thị xã A, tỉnh G, lúc khoảng 07giờ30 ngày 11/8/2018, H đi lang thang tại khu vực chợ thị xã A để tìm sơ hở của người dân nhằm trộm cắp. Khi đi ngang qua tiệm tạp hóa “L L” trên đường V T S thuộc tổ 6, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G thì thấy phía trước tiệm có 01 xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn Đen – Bạc, biển số: 17M8-0921(xe của chị Trần Thị L, sinh năm: 1992, trú tại 201 T H Đ, tổ 6, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G) còn để chìa khóa và không có ai chú ý, H liền đến nổ máy chạy xe về hướng đường Đ T S đến thị xã A K, tỉnh G. Tại đây H sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện để đi lại, làm thuê trên địa bàn thị xã A K. Đến khoảng tháng 10/2018, H bán lại xe mô tô trên cho ông Đinh Xuân H (sinh năm: 1960, trú tại: Thôn T P, xã C L, huyện K C, tỉnh G) được số tiền 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình sử dụng, ông Đinh Xuân H đã làm mất biển số xe 17M8-0921. Đến ngày 11/02/2020 khi được Cơ quan cảnh sát điều tra mời lên làm việc ông Đinh Xuân H đã giao nộp lại xe mô tô trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 21/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA – SIRIUS, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát: 81B1-1770, số máy:

5C64-198172, số khung: C6409Y198174, có trị giá 6.930.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04 ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A kết luận: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn đen bạc; số máy: 5C63062158, số khung: RLCS5C6308Y062158, có trị giá 3.660.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn Đen - Đỏ, biển kiểm soát: 81P1-1770, số máy: 5C64-198172, số khung: C6409Y198174. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ayun Pa đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T (SN: 1965, trú tại: Thôn Q T – xã I S - A - G, là mẹ ruột anh Lê Anh T).

- 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn Đen – Bạc, số máy: 5C63062158, số khung: RLCS5C6308Y062158, dung tích: 110, không có bình chắn gió hai bên, không có biển số xe. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Trần Thị L.

Về trách nhiệm dân sự:

Hiện nay, người bị hại là anh Lê Anh T và chị Trần Thị L không yêu cầu gì đối với bị Trương Văn H nên không đề cập đến. Riêng ông Đinh Xuân H (người liên quan) yêu cầu Trương Văn H trả lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố bị cáo Trương Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả lại cho ông Đinh Xuân H 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trương Văn H đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản. Bản thân bị cáo có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại tỉnh T H nhưng thường lang thang, cư trú không ổn định. Vào ngày các ngày 11/8/2018 và 13/01/2020 bị cáo đều đến thị xã A, tỉnh G với danh nghĩa để kiếm việc làm. Nhưng cả hai lần này bị cáo đều lợi dụng sơ hở của người khác, lén lút trộm cắp 02 xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS của người khác. Trị giá 02 chiếc xe là 10.590.000 đồng. Trị giá tài sản chiếm đoạt được tại mỗi lần phạm tội đều đủ định lượng cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu

thành tội Trộm cắp tài sản. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo về tội danh nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:* Bị cáo có nhân thân rất xấu. Đây là lần thứ 6 bị cáo bị kết án về phạm tội Trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là *phạm tội hai lần trở lên*, đồng thời thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng *tái phạm* theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi vụ án được phát hiện, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã luôn *thành khẩn khai báo* về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc và cách ly khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và làm tốt công tác rắn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Người liên quan Đinh Xuân H yêu cầu bị cáo phải trả lại 2.000.000 đồng đã mua chiếc xe 01 xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn đen bạc; số máy: 5C63062158, số khung: RLCS5C6308Y062158 bị cáo đã trộm cắp của chị Trần Thị L. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện xin trả lại cho ông H nên HĐXX công nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[5] *Về vật chứng vụ án:* Đã được xử lý xong tại giai đoạn điều tra nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên:* Cơ quan điều tra Công an thị xã Ayun Pa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Tuyên xử:

Phạt bị cáo **Trương Văn H** (tên gọi khác: Trương Mạnh H) **30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Trương Văn H trả lại cho anh Đinh Xuân H 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự để sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/5/2020, bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo bản án (và phần nội dung bản án liên quan đến người liên quan) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án và phần nội dung bản án liên quan đến người liên quan trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. A;
- VKSND tỉnh G;
- CQĐT Công an TX. A;
- CQ THA. HS Công an TX. A;
- Các bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn

